

Bản án số: 191/2020/HS-ST
Ngày 15-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Trần Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Hoàn Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 218/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

1. **Phạm Vi P**, sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 63 Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trung H (sinh năm 1964) và bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1963); chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 13/7/2016 bị Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 111/2016/HSST (thực hiện hành vi phạm tội ngày 29/3/2016). Đã thi hành xong phần án phí từ ngày 01/12/2016 theo Phiếu cung cấp thông tin số 1652 ngày 09/09/2020 của Chi cục chỉ hành án dân sự Quận D; chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 29/03/2019 theo giấy chứng nhận số 252 của giám thị trại giam Thủ Đức.

Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 26/02/2009 bị Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 21/2009/HSST (thực hiện hành vi phạm tội ngày 21/7/2008). Đã thi hành xong phần án phí từ ngày 17/03/2009 theo phiếu cung cấp thông tin số 1653 ngày 09/09/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận D, chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 30/04/2011.

- Ngày 17/01/2013, bị Công an phường B, quận C xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng theo Quyết định số 5120/QĐ-XPHC về hành vi “ Gây rối trật tự công cộng”.

- Ngày 25/03/2013 bị Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số 1837/QĐ-UBND về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”: được áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân quận C từ ngày 26/03/2015.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 17/8/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Hồ Văn Minh B**, sinh năm 1991 tại TP.Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 106 Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; nghề nghiệp: sơn xe; trình độ văn hoá 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Văn N (sinh năm 1962) và bà Mai Kim P (sinh năm 1964); chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 17/8/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **Mai Tấn Đ**, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Long An. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Vi P, Hồ Văn Minh B và Nguyễn Thanh L có mối quan hệ là bạn bè.

Vào khoảng 08 giờ ngày 26/01/2020, tại khu nhà trọ mà P thuê ở tại địa chỉ 971/33 Đường G, phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Thanh L gặp và rủ P cùng đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, P đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 59D2-831.63 của mình chở L đi tìm cơ hội để chiếm đoạt tài sản. Khi ra khỏi khu nhà trọ, P điện thoại cho B (lúc này B đến khu nhà trọ của P chơi) và kêu B đi ra đầu hẻm khu nhà trọ đưa cho P 01 cái điều (loại dùng bẻ khóa xe máy) mà trước đó P nhờ B giữ dùm, B đồng ý và đi ra đầu hẻm đưa cho P cái điều rồi quay lại khu trọ. Tiếp đó, P điều khiển xe mô tô chở L đến

khu vực tổ 76 ấp J, xã K., huyện L thì L phát hiện 01 xe mô tô biển số 59N2-628.40 đến gần chỗ P đợi (do P đưa L cái điều để bẻ khóa nhưng L không bẻ khóa xe được) rồi ngồi lên xe vừa trộm được để P điều khiển xe mô tô biển số 59D2-831.63 đẩy xe mô tô vừa trộm được chạy đi. Khi đến bãi đất trống bên cạnh nhà số 951/42 Đường G, phường H, quận I (gần khu nhà trọ của P) thì L và P ngừng xe, L xuống xe và đi lại tháo mặt nạ xe vừa trộm được và nối dây điện để nổ máy xe rồi cùng P tiếp tục điều khiển xe chạy về, dừng xe vừa trộm được trước cửa phòng trọ của P.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, B thấy L đang ngồi chỉnh lại dây điện, lắp mặt nạ xe mô tô biển số 59N2-628.40 nên đến xem thì P nói với B “Mày đem xe máy về cất giùm tao đi, có gì chiều tao lấy, xe trộm được nên phải nối dây mới chạy được”, B đồng ý và mượn xe mô tô (xe của bạn tên Xi chưa rõ lai lịch, không nhớ biển số xe) chạy trước để L điều khiển xe mô tô vừa trộm được chạy theo sau. Khi đến trước địa chỉ 139/16 đường M, phường B, quận C thì B và L ngừng xe và đổi xe cho nhau, B điều khiển xe mô tô biển số 59N2-628.40 về nhà mình tại địa chỉ 106 Đường A, phường B, quận C để cất giấu rồi đi bộ sang nhà L (gần đó) lấy lại xe đã mượn rồi chạy về dừng trước nhà.

Sau khi phát hiện mất xe, anh Mai Tấn Đ liên kêu vợ là Nguyễn Thị Bích T đến Công an xã K trình báo, đồng thời anh Đ sử dụng điện thoại di động định vị xe mô tô biển số 59N2-628.40 thì phát hiện xe mình đang di chuyển và dừng lại ở định vị 106 Đường A, phường B, quận C nên đến Công an phường B trình báo. Công an phường B mời B về trụ sở làm việc rồi chuyển đối tượng cùng xe mô tô biển số 59N2-628.40 đến Công an xã K để xử lý.

Qua lời khai của B, Công an xã K đã mời P về trụ sở làm việc, lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận định giá về tài sản số 410/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 05/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện Bình Chánh kết luận: xe mô tô biển số 59N2-628.40 trị giá 18.700.000 (mười tám triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Phạm Vi P và Hồ Văn Minh B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp lời khai của bị hại Mai Tấn Đ, vật chứng thu được, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả đối chất, thực nghiệm điều tra và các chứng cứ có trong hồ sơ.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 59N2-628.40.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia model 1110i thu của B.

Tại bản cáo trạng số 196/CT-VKS ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Vi P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hồ Văn Minh B về tội “Chứa chấp

tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Vi P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hồ Văn Minh B 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” .

- Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phạm Vi P, Hồ Văn Minh B khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Vi P và Hồ Văn Minh B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như nội dung cáo trạng đã truy tố. Vào ngày 16/01/2020 bị cáo Phạm Vi P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 59N2-628.40 của ông Mai Tấn Đ tại nhà không số tổ 76, ấp 5, xã K, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, vật chứng vụ án, kết quả thực nghiệm điều tra, những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Hành vi của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được luật hình sự B vệ. Khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Theo bản kết luận định giá tài sản số 1410/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 05/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận: xe mô tô biển số 59N2-628.40 trị giá 18.700.000 (mười tám triệu bảy trăm ngàn) đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Vi P phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Sau khi phóng chiếm đoạt xe mô tô biển số 59N2-628.40 xong thì nhờ bị cáo cất giữ, khi nhờ B cất giữ xe P có nói với B “Mày đem xe máy về cất giùm tao đi, có gì chiều tao lấy, xe trộm được nên phải nối dây mới chạy được”, bị cáo Hồ Văn Minh B biết xe mô tô biển số 59N2-628.40 mà P nhờ B cất giữ giúp là tài sản do P trộm cắp mà có nhưng B vẫn đồng ý cất giữ giúp P. Do đó,

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Hồ Văn Minh B phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo B về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng hành vi, đúng người, đúng tội.

[5] Xét nhân thân bị cáo P: bị cáo P đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý nhưng bị cáo không ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có lần phạm tội chưa được xóa án tích, cụ thể: ngày 13/7/2016 bị Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 111/2016/HSST (thực hiện hành vi phạm tội ngày 29/3/2016), chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 29/03/2019, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo P được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án thật nghiêm, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo để xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với Nguyễn Thanh L: qua xác minh L đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[8] Về vật chứng vụ án:

[9] 01 chiếc xe mô tô biển số 59D2-831.63 mà P dùng làm phương tiện phạm tội; quá trình điều tra cho thấy chị Hà Thị Mỹ L1 (sống chung như vợ chồng với P) đã bán cho người chưa rõ lai lịch (qua mạng xã hội), chưa thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

[10] 01 xe mô tô biển số 59N2-628.40, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện giao trả lại cho chủ sở hữu là anh Mai Tấn Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] 01 điện thoại di động hiệu Nokia model 1110i thu giữ của bị cáo B, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu và nộp ngân sách nhà nước.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Ông Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo cũng như xử lý vật chứng vụ án và chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[15] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Vi P;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Văn Minh B;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015,

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo **Phạm Vi P** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2020.

Xử phạt bị cáo **Hồ Văn Minh B** 01 (một) năm tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2020

Về vật chứng :

- Ghi nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã giao trả 01 xe mô tô biển số 59N2-628.40 cho ông Mai Tấn Đ.

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia model 1110i (vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/10/2020 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

Về dân sự: Ghi nhận việc bị hại ông Mai Tấn Đ không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Về án phí : mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| -TAND TPHCM; | (1) |
| - VKSND TPHCM; | (1) |
| - VKSND huyện Bình Chánh; | (2) |
| - CA huyện Bình Chánh; | (2) |
| - Chi cục THADS H. Bình Chánh; | (2) |
| - PV 06 - Công an TPHCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TPHCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| -Lưu; | (3) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Đỗ Thị Duy Linh